

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Nguyễn Thị Cẩm Phương¹, Trần Quốc Vương²

ANALYSIS OF INFLUENCE FACTORS ON LEARNING MOTIVATION OF STUDENTS AT TRA VINH UNIVERSITY

Nguyen Thi Cam Phuong¹, Tran Quoc Vuong²

Tóm tắt – Bài viết xác định các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh và đề xuất hàm ý quản trị nhằm tăng động lực học tập cho sinh viên. Nghiên cứu thực hiện khảo sát 200 sinh viên đang theo học tại các khoa khác nhau của Trường Đại học Trà Vinh. Phương pháp thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sáu nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên, trong đó biến môi trường học tập tác động mạnh nhất đến động lực học tập của sinh viên. Mức độ tác động của các nhân tố được xếp theo thứ tự giảm dần gồm: môi trường học tập, gia đình và bạn bè, nhận thức của bản thân, điều kiện học tập, chương trình đào tạo và chất lượng giảng viên.

Từ khóa: động lực học tập, nhân tố ảnh hưởng, sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

Abstract – The study aims to identify the factors affecting the learning motivation of students at Tra Vinh University and recommend solutions to increase students' motivation. The study conducted a survey of 200 students who are studying at Tra Vinh University in different schools. The methods of Descriptive statistics,

Exploratory Factor Analysis (EFA), and Linear Regression were used in this study. The results show that there are 6 factors affecting student's learning motivation, in which learning environment variable has the strongest impact on students' learning motivation. The level of impact of factors is ranked in descending order including learning environment, family and friends, self-perception, learning conditions, curriculum, and quality of lecturers.

Keywords: influence factors, learning motivation, Tra Vinh University students.

I. GIỚI THIỆU

Động lực giữ vai trò rất quan trọng trong quá trình hoạt động của con người, động lực là yếu tố thúc đẩy, giúp con người định hướng và duy trì hành động liên tục [1], [2]. Động lực là một trong những thành phần có tính chất then chốt nhất trong việc học tập của sinh viên [3]. Sinh viên có động lực học tập sẽ khao khát, mong muốn, hào hứng, cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập, là sự nỗ lực để đạt được kết quả mong đợi [4]. Động lực có ảnh hưởng không nhỏ đến thái độ học tập và kết quả học tập của sinh viên. Người học có động cơ học tập khác nhau sẽ có cách tiếp cận với hoạt động học tập khác nhau và làm cho khả năng của họ cũng khác nhau. Người có động cơ học tập sẽ chủ động hơn trong học tập, tự học và tự trau dồi các kỹ năng cần thiết cho tương lai. Từ đó, người học tích lũy được các kiến thức chuyên ngành vững chắc và các kỹ năng quan trọng, góp phần không nhỏ cho công việc sau này. Qua đó, chất lượng của giảng viên và chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục cũng được gián tiếp thể hiện.

¹Khoa Kinh tế, Luật, Trường Đại học Trà Vinh
²Sinh viên, Khoa Kinh tế, Luật, Trường Đại học Trà Vinh
Ngày nhận bài: 15/7/2021; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 04/8/2021; Ngày chấp nhận đăng: 12/9/2021
Email: camphuong@tvu.edu.vn

¹School of Economics and Law, Tra Vinh University
²Student, School of Economics and Law, Tra Vinh University

Received date: 15th July 2021; Revised date: 04th August 2021; Accepted date: 12th September 2021

Hiện nay, nhiều sinh viên học đại học không có động lực học tập rõ ràng dẫn đến số lượng sinh viên bị cảnh báo học vụ và bỏ học sau khi vào đại học ngày càng nhiều. Theo số liệu thống kê năm 2019, số lượng sinh viên bị cảnh báo học vụ tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh là hơn 2.252 sinh viên, Trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh là 2.135 sinh viên, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh xóa tên 450 sinh viên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cảnh báo 605 sinh viên và buộc thôi học 454 sinh viên, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội trung bình mỗi năm có 700 đến 800 sinh viên bị buộc thôi học [5]. Tại Trường Đại học Trà Vinh (ĐHTV), học kỳ 1 năm học 2020 – 2021, có 188 sinh viên bị cảnh báo học vụ [6]. Ngoài ra, theo số liệu khảo sát, có khoảng 17,5% sinh viên được hỏi có thái độ tích cực trong học tập, phần còn lại rất hiếm khi trả lời hoặc không tham gia trả lời [7]. Nghiên cứu của Lê Hồng Ngọc [8] cũng cho thấy, việc tự học của sinh viên hiện tại còn khá thấp (có 3,9% sinh viên không tự học tại nhà, 6,4% sinh viên dành trên 4 giờ/ngày học tại nhà, 44,7% sinh viên mỗi ngày tự học tập nghiên cứu từ 1 đến 2 giờ). Do đó, việc xác định động lực học tập của sinh viên rất quan trọng đối với các cơ sở giáo dục nhằm tiếp cận và khám phá mục tiêu học tập, năng lực tiềm ẩn của người học. Sinh viên tham gia lớp học để làm bài kiểm tra, để nhận thức vấn đề hay để có bằng đại học loại giỏi. Chính vì thế, việc xác định và phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên tại Trường ĐHTV là cần thiết để tìm ra giải pháp nhằm thúc đẩy, gia tăng động lực học tập của sinh viên.

II. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Theo Bomia et al. [4], động lực học tập là khao khát, mong muốn, hào hứng, cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập, là sự nỗ lực để đạt được kết quả mong đợi. Động lực có ảnh hưởng không nhỏ đến thái độ học tập và kết quả học tập của sinh viên.

Động lực học tập là sự tham gia và cam kết của sinh viên để học và đạt được điểm học tập xuất sắc, có thể tạo điều kiện thuận lợi cho họ trong tương lai nghề nghiệp [9], [10]. Động lực

chủ yếu có hai loại: động lực bên ngoài và động lực nội tại. Động lực bên trong là khả năng bên trong của sinh viên để tương tác với môi trường học tập nhằm đạt được các mục tiêu đã được xác định trước. Ngược lại, động lực bên ngoài đề cập đến việc mọi người được thúc đẩy hướng tới các nguồn bên ngoài thông qua các loại phần thưởng và điểm số [11].

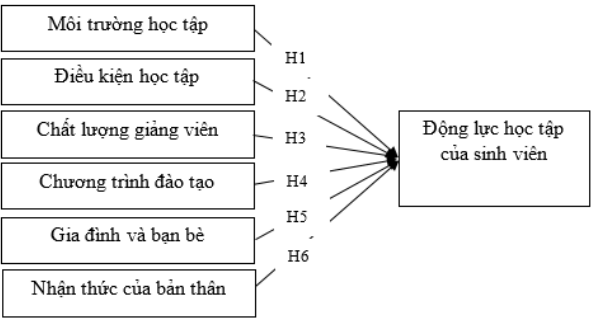
Động lực học tập có nhiều khái niệm khác nhau, được đánh giá bởi nhiều tiêu chí khác nhau và có nhiều hướng tiếp cận khác nhau [12]. Vì thế, việc xác định đầy đủ các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên là tương đối và còn tùy thuộc vào đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.

Hiện nay, nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến động lực học tập của sinh viên đã được thực hiện bởi các tác giả như Mai Thị Trúc Ngân và cộng sự [13], Nguyễn Bá Châu [14], Đỗ Hữu Tài [15], Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt [16], Adhy Firdaus [17], Muhammad et al. [18], Sadri Alija and Fitim Deari [19]. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, động lực học tập của sinh viên chịu tác động chủ yếu bởi các nhân tố gồm: năng lực giảng viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, môi trường học tập, bạn bè, ý thức của bản thân, nhà trường và gia đình. Điển hình, nghiên cứu của Mai Thị Trúc Ngân và cộng sự [13] xác định có sáu yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên gồm đời sống tinh thần, năng lực giảng viên, sự phù hợp ngành học, chương trình đào tạo, nhận thức sinh viên và cơ sở vật chất. Trong đó, đời sống tinh thần có tác động lớn nhất, không có sự khác biệt về đặc điểm cá nhân đến động cơ học tập. Nguyễn Bá Châu [14] nghiên cứu về động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức cho thấy sinh viên chịu tác động rất lớn bởi nhân tố chủ quan và khách quan. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố này khác nhau. Hai yếu tố tác động mạnh nhất thuộc nhóm tâm lý chủ quan là ý thức tự giác học tập và niềm tin vào ngành đang theo học; yếu tố sự đòi hỏi của xã hội về trình độ, năng lực, kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc tác động mạnh nhất trong nhóm tâm lý khách quan. Ngoài ra, các yếu tố khác gồm ý thức tự khẳng định năng lực học tập của bản thân, hứng thú học tập, năng lực của giảng viên,

yếu tố bạn bè. Nghiên cứu cũng cho thấy, các yếu tố chủ quan có tác động mạnh mẽ đến động cơ học tập của sinh viên hơn các yếu tố khách quan. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Đỗ Hữu Tài và cộng sự [15] về động lực học tập của sinh viên tại Trường Đại học Lạc Hồng nhằm xác định các nhân tố tác động đến động lực học tập của người học. Nghiên cứu xác định có bảy nhân tố tác động chính, gồm: nhân tố xã hội, gia đình và bạn bè, môi trường học tập, nhận thức của người học, ý chí của người học, quan điểm sống và khu vực sống của người học. Nghiên cứu của Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt [16] cho thấy có sự khác biệt giữa nam và nữ về lựa chọn loại động lực, cụ thể: nam nghiêng về lựa chọn loại động lực quan hệ xã hội, còn nữ nghiêng về loại động lực hoàn thiện tri thức học tập. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, các nhân tố có sự tác động tích cực đến động lực học tập của sinh viên gồm hoạt động phong trào, chất lượng giảng viên, chương trình đào tạo, điều kiện học tập và môi trường học tập. Công trình nghiên cứu của Adhy Firdaus [17] về động lực học tập của sinh viên theo hướng tiếp cận định tính cho thấy, có bốn nhóm chính ảnh hưởng đến động lực học tập gồm nền tảng giáo dục của cha mẹ, vai trò của giảng viên, ảnh hưởng của bạn thân và sự quản lí của nhà trường. Nghiên cứu của Muhammad et al. [18] về động lực học tập của sinh viên tại Đại học Bahauddin Zakariya, Multan (Pakistan) khẳng định, phương pháp giảng dạy, môi trường học tập đầy đủ và sự tham gia tích cực của sinh viên là những yếu tố quyết định hàng đầu làm tăng động lực học tập của sinh viên. Nghiên cứu cũng kết luận việc tổ chức các hoạt động trong lớp học như thảo luận, làm việc nhóm cũng góp phần nâng cao động lực học tập của sinh viên. Cuối cùng, nghiên cứu của Sadri Alija and Fitim Deari [19] về động lực học tập của sinh viên ở Trường Đại học South East European xác định các yếu tố ảnh hưởng gồm chất lượng giảng dạy, thái độ của giáo viên, sự tham gia của sinh viên trong lớp học, khả năng cạnh tranh của sinh viên, nỗi sợ thất bại của khóa học, điểm cao, khả năng kiểm được một công việc tốt sau khi tốt nghiệp, làm cho cha mẹ hài lòng, hứng thú học các khóa học và mức độ phù hợp của khóa học đối với nghề nghiệp tương lai. Trong đó, chất lượng của

giáo viên được xác nhận là yếu tố tác động nhiều nhất đến động lực của họ, giáo viên là người làm cho sinh viên có động lực.

Trên cơ sở tổng hợp các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu với sáu yếu tố ảnh hưởng gồm: môi trường học tập, điều kiện học tập, chất lượng giảng viên, chương trình đào tạo, gia đình và bạn bè, nhận thức của bản thân.



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

Theo Muhammad [18], yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ đến động lực học tập của sinh viên là môi trường học tập và theo kết quả của nghiên cứu này, 28,2% người được hỏi đồng ý mạnh mẽ và 54,5% đồng ý rằng môi trường học tập là yếu tố chính thúc đẩy động lực học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, môi trường học tập ở trường đại học là quan trọng vì môi trường học tập có ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên.

H1: Môi trường học tập ảnh hưởng cùng chiều (+) đến động lực học tập của sinh viên Trường DHTV

Theo Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt [16], điều kiện học tập tác động tích cực đến động lực học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, động lực học tập còn chịu tác động bởi những nhân tố bên ngoài như môi trường xã hội và các điều kiện của môi trường học tập [20]. Nguyễn Thùy Dung, Phan Thị Thục Anh [21] cũng cho rằng điều kiện học tập tác động tích cực đến động lực học tập của sinh viên.

H2: Điều kiện học tập ảnh hưởng cùng chiều (+) đến động lực học tập của sinh viên Trường DHTV

Theo Williams and Williams [22], giáo viên càng nhiệt tình, năng động và có năng lực trong

việc giảng dạy và đánh giá thì khả năng tăng động lực học tập của người học càng lớn. Mendes [23] cũng nhấn mạnh rằng một môi trường lớp học hiệu quả, giúp nâng cao động lực của sinh viên, cần có đủ các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy của các nhà giáo dục. Bằng cách sử dụng các kỹ thuật giảng dạy thú vị và độc đáo trong quá trình đào tạo, các giảng viên giúp sinh viên thích nghi tốt hơn với bài học, giúp họ có động lực để thành công [24]. Mai Thị Trúc Ngân và cộng sự [13] cho rằng chất lượng giảng viên có ảnh hưởng tích cực đến động lực học tập của sinh viên.

H3: Chất lượng giảng viên ảnh hưởng cùng chiều (+) đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHTV

Nghiên cứu của Đỗ Hữu Tài [15] cho thấy, chương trình đào tạo của ngành học cần phải có sự gắn kết định hướng nghề nghiệp; đây là yếu tố cần thiết giúp cho người học có động lực học tập đúng đắn trong việc trang bị những kỹ năng và kiến thức trong quá trình học tập trước khi tốt nghiệp. Việc tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, giao lưu với doanh nghiệp, giảng viên và sinh viên sẽ cải thiện đáng kể động lực học tập của sinh viên.

H4: Chương trình đào tạo ảnh hưởng cùng chiều (+) đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHTV

Theo Fan & Chen [25], sự tham gia của cha mẹ vào quá trình giáo dục ảnh hưởng đáng kể đến động lực và thành tích học tập của người học. Nghiên cứu của Marks [26] cho thấy, sự hỗ trợ của cha mẹ trong giáo dục là một phần không thể thiếu trong động lực và thành công trong học tập của sinh viên. Nguyễn Bá Châu [14] cho rằng, sự động viên, giúp đỡ của bạn bè và sự cạnh tranh trong lớp học có ảnh hưởng nhất định đối với động lực học tập của sinh viên.

H5: Gia đình và bạn bè ảnh hưởng cùng chiều (+) đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHTV

Theo nghiên cứu của Đỗ Hữu Tài [15], trong số các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên, ý chí và nhận thức của bản thân là hai nhân tố có tác động mạnh nhất. Nếu sinh viên biết đặt mục tiêu cho từng giai đoạn học tập, biết kiểm soát bản thân, đủ tự tin, bản lĩnh để giải quyết vấn đề khó khăn thì động lực học tập của sinh viên sẽ trở nên mạnh mẽ hơn. Theo

Nguyễn Trọng Nhân và Trương Thị Kim Thủy [27], động lực học tập của sinh viên phụ thuộc vào ba tiêu chí: tiêu chí hoạt động giáo dục và đào tạo, tiêu chí sự tương thích của ngành học và nhận thức của bản thân.

H6: Nhận thức của bản thân có ảnh hưởng cùng chiều (+) đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHTV

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

A. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu chủ yếu sử dụng số liệu sơ cấp được thu thập bằng bảng câu hỏi thông qua khảo sát sinh viên tại các khoa đang theo học tại Trường ĐHTV bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

Kích thước mẫu: Theo Tabachnick and Fidell [28], khi sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính, kích thước mẫu được xác định theo công thức: $n \geq 50 + 8p$, với p là số biến độc lập của mô hình. Trong nghiên cứu này, số lượng biến độc lập là sáu biến nên kích thước mẫu nghiên cứu tối thiểu là 98. Hair et al. [29] cho rằng, kích thước mẫu tối thiểu gấp năm lần biến tổng quan sát khi sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá ($n \geq 5m$, với m là số biến quan sát trong mô hình). Trong nghiên cứu này, tổng biến quan sát là 32, vậy cỡ mẫu tối thiểu là 160. Tổng hợp cả hai yêu cầu trên, cỡ mẫu của nghiên cứu phải từ 160 quan sát trở lên. Do đó, nghiên cứu quyết định khảo sát 200 sinh viên đang theo học tại các khoa của Trường ĐHTV.

B. Phương pháp phân tích

Thông kê mô tả: là phương pháp giúp người nghiên cứu mô tả tổng quát về kết quả khảo sát có được. Thông kê mô tả được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được từ nghiên cứu thực nghiệm qua các cách thức khác nhau.

Kiểm định độ tin cậy thang đo: Hệ số Cronbach's alpha được sử dụng để kiểm định độ tin cậy thang đo cho các yếu tố đưa vào mô hình. Theo Nunally & Burnstein [30], những khái niệm nào có độ tin cậy tổng hợp $\leq 0,6$ và hệ số tương quan biến tổng $\leq 0,3$ sẽ loại ra khỏi mô hình.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của

sinh viên Trường ĐHTV. Nghiên cứu dựa vào hệ số KMO và tổng phương sai trích để đánh giá giá trị phân biệt và giá trị hội tụ của các khái niệm trong nghiên cứu. Theo đó, $0,5 < KMO < 1$, hệ số tải nhân tố $< 0,5$ [29] và tổng phương sai trích của các khái niệm giải thích lớn hơn 50% tổng biến thiên thì khái niệm được tồn tại [30]. Hồi quy đa biến được sử dụng nhằm xác định và lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHTV. Mô hình hồi quy cho ta biết mức độ tác động của từng nhân tố vào sự thay đổi của biến phụ thuộc. Giá trị R^2 của mô hình càng lớn thì mức độ phù hợp của mô hình càng cao ($0 \leq R^2 \leq 1$). Biến độc lập có ý nghĩa khi giá trị $\text{sig} < 5\%$. Mô hình hồi quy sẽ áp dụng tốt khi thỏa mãn ước lượng không chệch tuyến tính tốt nhất.

IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

A. Đặc điểm mẫu khảo sát

Trong quá trình thu thập dữ liệu, tác giả đã chọn phương pháp điều tra trực tiếp bằng phiếu khảo sát và sử dụng phương pháp khảo sát trực tuyến. Tác giả đã phát 220 phiếu cho đối tượng khảo sát là sinh viên Trường ĐHTV. Kết quả thu về 200 phiếu hợp lệ (đạt 91%).

Trong 200 phiếu hợp lệ, nữ chiếm 46% và nam chiếm 54%. Sinh viên năm nhất chiếm 40%, sinh viên năm hai chiếm 30%, sinh viên năm ba chiếm 20% và sinh viên năm tư chiếm 10%. Thời gian tự học trên ngày của sinh viên từ 2 đến 3 giờ/ngày chiếm tỉ lệ cao nhất (36%), lượng thời gian này khá phù hợp với thời khóa biểu thực tế của sinh viên. Số lượng sinh viên dành thời gian tự học trên 4 giờ/ngày có tỉ lệ thấp nhất (17%) vì hiện tại quỹ thời gian của sinh viên dành cho việc học trên lớp là khá lớn. Trung bình sinh viên phải học 5 ngày/tuần và mỗi ngày học trên lớp khoảng 7 đến 8 tiết nên sinh viên không có nhiều quỹ thời gian dành cho tự học. Như vậy, quỹ thời gian dành cho việc tự học của sinh viên chủ yếu là buổi tối và các ngày cuối tuần. Mặt khác, ngoài việc học trên lớp, sinh viên cần phải dành thời gian cho các hoạt động ngoại khóa, tham gia các lớp kỹ năng mềm để trau dồi thêm các kỹ năng bổ trợ nên đa số các bạn sinh viên rất hạn chế về thời gian cho việc tự học. Chính vì quỹ thời gian trống của sinh viên rất hạn chế, nên việc

dành thời gian đến thư viện từ 3 đến 4 lần/tháng chiếm tỉ lệ rất cao (47%), từ 1 đến 2 lần/tháng chiếm 33%, phần còn lại là trên 4 lần/tháng.

B. Phân tích nhân tố khám phá

Trước khi tiến hành phân tích nhân tố khám phá, tác giả thực hiện kiểm định độ tin cậy của thang. Thang đo có hệ số Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên thì có thể chấp nhận được về mặt tin cậy và hệ số tương quan biến tổng phải lớn hơn 0,3 [30]. Trong nghiên cứu này, tác giả đã chọn thang đo có hệ số Cronbach' Alpha từ 0,7 trở lên.

Thang đo của nghiên cứu gồm bảy nhóm với tổng cộng 32 biến quan sát: (1) môi trường học tập (MHTT) có ba biến quan sát gồm không khí lớp học sôi nổi, vui vẻ, các thành viên trong lớp đoàn kết, sự quan tâm của cố vấn học tập; (2) điều kiện học tập (DKHT) có bốn biến quan sát gồm phòng học rộng, thoáng, trang thiết bị dạy và học hiện đại, tài liệu, giáo trình của mỗi môn học được cung cấp đầy đủ, thư viện của khoa, trường có nguồn tài liệu tham khảo đa dạng; (3) chất lượng giảng viên (CLGV) có năm biến quan sát gồm kiến thức chuyên môn tốt, phương thức truyền đạt sinh động, dễ hiểu, sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, quan tâm đến việc học tập của sinh viên, giải đáp các phản hồi của sinh viên; (4) chương trình đào tạo (CTĐT) có năm biến quan sát gồm hài lòng với chuyên ngành đào tạo, chương trình đào tạo hợp lý, CTĐT được tổ chức đa dạng trong dạy và học, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp, sự phát triển tương lai của ngành học; (5) gia đình và bạn bè (GDBB) có năm biến quan sát gồm tôi được gia đình định hướng trong quá trình học tập, tôi được gia đình động viên trong suốt quá trình học, tôi biết được hoàn cảnh gia đình và tôi phải cố gắng, tôi được bạn bè góp ý tích cực, tôi cố gắng trong học tập vì muốn có cuộc sống tốt; (6) nhận thức của bản thân (NTBT) có năm biến quan sát gồm tôi học tốt nếu tôi cảm thấy xã hội công bằng, tôi học tốt nếu tôi biết tôi có cơ hội, tôi có trí tuệ tốt nên tôi học tập tốt, tôi đam mê tìm tòi và nghiên cứu khoa học, học tập là rèn luyện bản thân; và (7) động lực học tập của sinh viên (DLHT) có năm biến quan sát gồm tôi cố gắng đầu tư tối đa cho việc học, tôi dành rất nhiều thời gian cho mỗi môn học, tôi học hết mình, động lực học tập của tôi rất cao, tôi không muốn thua kém bạn bè.

Bảng 1: Mô tả đặc điểm mẫu khảo sát

TT	Phân loại	Thông tin	Số lượng	Phần trăm (%)
1	Giới tính	Nam	108	54
		Nữ	92	46
2	Năm học	Sinh viên năm thứ 1	80	40
		Sinh viên năm thứ 2	60	30
		Sinh viên năm thứ 3	40	20
		Sinh viên năm thứ 4	20	10
3	Ngành học	Chính trị học	20	10
		Công tác xã hội	7	3,5
		Điện công nghiệp	23	11,5
		Dược	33	16,5
		Ngôn ngữ Anh	23	11,5
		Quản trị kinh doanh	47	23,5
		Quản trị văn phòng	7	3,5
		Răng – Hàm – Mặt	7	3,5
		Sư phạm Mầm non	7	3,5
		Thú y	19	9,5
4	Dân tộc	Văn hoá học	7	3,5
		Kinh	174	87
5	Thời gian tự học trong ngày	Khmer	26	13
		Dưới 2 giờ	49	24,5
		Từ 2 giờ đến 3 giờ	72	36
		Từ trên 3 giờ đến 4 giờ	62	31
6	Tần suất đến thư viện trong tháng	Trên 4 giờ	17	8,5
		Từ 1 đến 2 lần/tháng	66	33
		Từ 3 đến 4 lần/tháng	94	47
		Từ 5 đến 6 lần/tháng	25	12,5
		Hơn 6 lần/tháng	15	7,5

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2021)

Kết quả kiểm định cho thấy, các thang đo đều có hệ số Cronbach’s Alpha lớn hơn 0,7 và không có biến quan sát nào bị loại khỏi mô hình. Do đó, tất cả các biến quan sát đều được chấp nhận và sẽ được sử dụng trong phân tích EFA. Kết quả kiểm định độ tin cậy được trình bày cụ thể trong Bảng 2.

Tác giả tiếp tục thực hiện phân tích nhân tố với biến độc lập và biến phụ thuộc. Kết quả phân tích cho thấy, biến phụ thuộc (DCHT) có một nhóm nhân tố được rút trích với tổng phương sai trích 79%, hệ số KMO = 0,856 và hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá đối với biến độc lập được trình bày cụ thể trong Bảng 3.

Bảng 2: Tổng hợp biến và thang đo bị loại

Thang đo	Biến quan sát bị loại	Hệ số Crobach’s Alpha	Kết quả
MTHT	Không	0,859	Chất lượng tốt
DKHT	Không	0,842	Chất lượng tốt
CLGV	Không	0,813	Chất lượng tốt
CTĐT	Không	0,860	Chất lượng tốt
GDBB	Không	0,853	Chất lượng tốt
NTBT	Không	0,802	Chất lượng tốt
DCHT	Không	0,933	Chất lượng tốt

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2021)

Kết quả phân tích nhân tố EFA cho thấy, các biến độc lập và biến phụ thuộc trong mô hình đều đạt giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Do đó, phân tích EFA là thích hợp với dữ liệu nghiên cứu, không có sự phát sinh nhân tố mới.

C. Phân tích hồi quy

Phân tích hồi quy được sử dụng để xác định nhân tố nào ảnh hưởng đến động lực học tập của

Bảng 3: Kết quả phân tích nhân tố khám phá

Biến quan sát	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
GDBB1	0,776					
GDBB2	0,726					
GDBB3	0,714					
GDBB4	0,660					
GDBB5	0,640					
CTĐT2		0,821				
CTĐT3		0,775				
CTĐT4		0,739				
CTĐT1		0,721				
CTĐT5		0,592				
CLGV5			0,878			
CLGV2			0,711			
CLGV3			0,692			
CLGV1			0,686			
CLGV4			0,580			
NTBT5				0,727		
NTBT4				0,688		
NTBT2				0,658		
NTBT1				0,627		
NTBT3				0,580		
DKHT2					0,853	
DKHT3					0,797	
DKHT1					0,758	
DKHT4					0,648	
MTHT1						0,822
MTHT2						0,815
MTHT3						0,796
KMO = 0,883; Sig. Bartlett's = 0,000; Phương sai trích: 65%						

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2021)

sinh viên Trường ĐHTV và mức độ tác động của từng yếu tố như thế nào.

Ta có giá trị Sig. của các biến đều nhỏ hơn 5%, do đó các biến độc lập đều có ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, giá trị Sig. của F = 0,000 < alpha = 5% cho thấy mô hình hồi quy phù hợp với dữ liệu nghiên cứu và có thể suy rộng cho tổng thể. Giá trị R² hiệu chỉnh là 0,761, cho thấy sáu biến độc lập được đưa vào mô hình giải thích được 76,1% sự biến thiên của biến động lực học tập, còn lại 23,9% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Đồng thời, mô hình cũng không vi phạm giả định về đa cộng tuyến (VIF < 5, theo Rogerson [31]) và tự tương quan (d = 1,494 1,5, d thuộc khoảng 1,5 – 2,5, theo Yahua Qiao [32]).

Kết quả hồi quy cũng cho thấy tất cả các biến tác động thuận chiều đến động lực học tập

của sinh viên Trường ĐHTV, trong đó biến môi trường học tập tác động mạnh nhất. Mức độ tác động của các biến còn lại lần lượt là gia đình và bạn bè, nhận thức của bản thân, điều kiện học tập, chương trình đào tạo, chất lượng giảng viên.

D. Thảo luận

- Môi trường học tập ($\beta = 0,210$ và Sig. = 0,000) có ảnh hưởng thuận chiều đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHTV. Khi môi trường học tập được cải thiện thêm 1 đơn vị thì động lực học tập của sinh viên tăng 0,210 đơn vị. Kết quả này cũng có sự tương đồng với nghiên cứu của Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt [16]. Môi trường học tập ở trường đại học là quan trọng, vì nhận thức về môi trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên.

Bảng 4: Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy chuẩn hoá	Giá trị Sig	Hệ số VIF
	B	Sai số chuẩn	Beta (β)		
Hằng số	-0,179	0,157		0,258	
Môi trường học tập	0,210	0,032	0,281	0,000	1,495
Điều kiện học tập	0,175	0,035	0,207	0,000	1,463
Chất lượng giảng viên	0,124	0,039	0,130	0,002	1,380
Chương trình đào tạo	0,143	0,038	0,169	0,000	1,664
Gia đình và bạn bè	0,193	0,042	0,222	0,000	1,965
Nhận thức của bản thân	0,183	0,044	0,197	0,000	1,892

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2021)

- Gia đình và bạn bè ($\beta = 0,193$ và $\text{Sig.} = 0,000$) có ảnh hưởng dương đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHTV. Theo kết quả nghiên cứu của Đỗ Hữu Tài [15] và Muhammad [18], gia đình và bạn bè có ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên. Nếu gia đình cung cấp đầy đủ các biện pháp khuyến khích kinh tế và hỗ trợ xã hội cho sinh viên thì sinh viên sẽ có động lực hướng tới quá trình học tập. Mặt khác, nếu sinh viên không được gia đình hỗ trợ đầy đủ về mặt tinh thần và kinh tế thì sinh viên sẽ thiếu động lực trong quá trình học tập. Sự giao tiếp với bạn bè cũng có tác động nhất định đối với động lực học tập của sinh viên. Trong thời gian đi học xa nhà, những lời động viên, chia sẻ từ bạn bè đều có ảnh hưởng ít nhiều đến định hướng tương lai nói chung cũng như động lực học tập nói riêng.

- Nhận thức của bản thân ($\beta = 0,183$ và $\text{Sig.} = 0,000$) có ảnh hưởng thuận chiều đến động lực học tập của sinh viên. Theo nghiên cứu của Nguyễn Bá Châu [14], nhận thức của bản thân có ảnh hưởng mạnh đến động lực học tập của sinh viên. Nếu sinh viên biết xây dựng kế hoạch, đặt mục tiêu cho từng giai đoạn học tập, kiểm soát tốt bản thân, đủ tự tin, bản lĩnh để giải quyết các vấn đề trở ngại thì động lực học tập của sinh viên sẽ trở nên mạnh mẽ. Đồng thời, sự công bằng và cơ hội phát triển cũng góp phần tăng động lực phấn đấu của sinh viên. Bên cạnh đó, sự đam mê, tìm tòi, khám phá thế giới khoa học là một trong những yếu tố then chốt nuôi dưỡng động lực học tập của sinh viên.

- Điều kiện học tập của sinh viên ($\beta = 0,175$ và $\text{Sig.} = 0,000$) có ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên và tác động thuận chiều. Kết

quả có sự tương đồng với nghiên cứu của Mai Thị Trúc Ngân [13], Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt [16]. Cơ sở vật chất phục vụ tốt nhu cầu học tập sẽ làm cho sinh viên cảm thấy thích thú và gia tăng động lực hơn trong quá trình học tập.

- Chương trình đào tạo ($\beta = 0,143$ và $\text{Sig.} = 0,000$) cũng tác động dương đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHTV. Kết quả có sự tương đồng với nghiên cứu của Mai Thị Trúc Ngân [13], Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt [16]. Chương trình đào tạo của ngành học cần phải có sự gắn kết với định hướng nghề nghiệp. Điều này sẽ giúp cho người học có động lực học tập đúng đắn, trang bị những kĩ năng và kiến thức trong quá trình học tập trước khi tốt nghiệp.

- Chất lượng giảng viên ($\beta = 0,124$ và $\text{Sig.} = 0,002$) là nhân tố có mức tác động thấp nhất và cũng có sự tương đồng với kết quả nghiên cứu của Mai Thị Trúc Ngân [13] và Adhy Firdaus [17]. Nếu giáo viên có tố chất lãnh đạo tốt thì sinh viên sẽ có động lực hơn trong quá trình học tập. Thực hành giảng dạy có thể nâng cao mức độ động viên và thành tích học tập của sinh viên. Nếu giáo viên khuyến khích sinh viên phản hồi thì sinh viên sẽ có động lực học tập nhưng nếu sinh viên không nhận được những lời khen ngợi từ giáo viên thì sinh viên sẽ giảm phản hồi đối với thảo luận hoặc nội dung kiến thức từ đó giảm đi động lực học tập của sinh viên.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy có sáu nhóm nhân tố chính ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên Trường ĐHTV. Trong đó, nhân tố về môi trường học tập có ảnh hưởng mạnh nhất. Dựa

trên kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm gia tăng động lực học tập của sinh viên Trường ĐHTV.

- Nhà trường cần tạo môi trường học tập lành mạnh, thân thiện đối với sinh viên, thường xuyên tổ chức những sân chơi bổ ích tạo điều kiện cho sinh viên giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong quá trình học tập.

- Nhà trường cần thường xuyên cải tiến chương trình đào tạo và phải có sự gắn kết với định hướng nghề nghiệp. Điều này sẽ giúp cho người học có động lực học tập đúng đắn trong việc trang bị những kỹ năng và kiến thức trong quá trình học tập trước khi tốt nghiệp. Ngoài ra, Nhà trường nên thường xuyên tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất, tránh tình trạng sinh viên thiếu định hướng trong học tập, thiếu tinh thần học tập và bỏ học giữa chừng.

- Nhà trường cũng cần ưu tiên xây dựng chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy, viên chức quản lý và đội ngũ hỗ trợ sinh viên. Đồng thời, giảng viên cũng cần áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy mới để tăng động lực học tập cho sinh viên.

- Nhà trường cần có kế hoạch cải tạo, nâng cấp giảng đường, trang bị phương tiện học tập như phòng máy tính, máy chiếu, âm thanh, máy quạt, máy lạnh.

- Đối với sinh viên: Cần xác định mục tiêu nghề nghiệp mà bản thân mong muốn để trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội. Sinh viên cũng cần đặt mục tiêu và xây dựng kế hoạch hành động cho từng giai đoạn, biết kiểm soát bản thân, đủ tự tin, bản lĩnh để giải quyết các vấn đề khó khăn, trở ngại để hướng đến sự thành công trong tương lai.

- Đối với gia đình: Cần định hướng sớm ngành học và nghề nghiệp cho sinh viên. Việc gia đình thường xuyên động viên con em tích cực học tập là điều vô cùng cần thiết đối với động lực học tập của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] P. Karen Murphy, Patricia A. Alexander. Amotivated Exploration of Motivation Terminology. *Contemporary Education Psychology*. 2000;25: 3–53.
- [2] Pintrich P.R. A motivational science perspective on the role of student motivation in learning and teaching contexts. *Journal of Educational Psychology*. 2003;95(4): 667–686.
- [3] Slavin R.E. *Motivating Student to Learn, Educational Psychology: Theory and Practice*. 9th Edition: Allyn & Bacon; 2008.
- [4] Bomia Lisa, Beluzo Lynne, Demeester Debra, Elander Keli, Johnson Mary, Sheldon Betty. The Impact of Teaching Strategies on Intrinsic Motivation. *ERIC*. 1997; 1–28.
- [5] Huyền Nguyễn và Anh Nhân. *Sinh viên bỏ học ngày càng nhiều: vì chọn không đúng ngành, ham đi làm*. 2019. Truy cập từ: <https://laodong.vn/xa-hoi/sinh-vien-bo-hoc-ngay-cang-nhieu-vi-chon-khong-dung-nganh-ham-di-lam-772883.laodong.vn> [ngày truy cập: 10/8/2021].
- [6] Trường Đại học Trà Vinh. *Quyết định về việc cảnh báo kết quả học tập học kỳ I, năm học 2020 – 2021 đối với sinh viên các lớp cao đẳng, đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 3494/QĐ-ĐHTV ngày 29/6/2021)*. 2021.
- [7] Võ Nữ Hải Yến. *Tính chủ động tương tác trong học tập của sinh viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hiện nay*. 2020. Truy cập từ: <http://sociologyhue.edu.vn/blog/post/22209> [ngày truy cập 10/8/2021].
- [8] Lê Hồng Ngọc. Nghiên cứu về động cơ học tập của sinh viên tại các trường Đại học Việt Nam. *Tạp chí Tài chính*. 2019. Truy cập từ: <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/nguyen-cuu-ve-dong-co-hoc-tap-cua-sinh-vien-tai-cac-truong-dai-hoc-viet-nam-302680.html> [ngày truy cập 12/8/2021].
- [9] Gottfried A. E., J. S. Fleming, A. W. Gottfried. Continuity of Academic Intrinsic Motivation from Childhood through Late Adolescent: A Longitudinal Study. *Journal of Educational Psychology*. 2001;93(1): 1–14.
- [10] Murdock T, A. Miller. Teachers as a Source of Middle School Students Motivational Identity: Variable Centered and Person-Centered Analytical Approaches. *The Elementary School Journal*. 2003;103(4): 383–399.
- [11] Tanveer M. A., M. F. Shabbir, M. Ammar, S. I. Polla, H. D. Aslam. Influence of Teachers in Students Motivation in Management Sciences Studies. *American Journal of Scientific Research*. 2012;67: 76–87.
- [12] Dương Thị Kim Oanh. Một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu động cơ học tập. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*. 2013; 48:138–148.
- [13] Mai Thị Trúc Ngân, Nguyễn Đỗ Bích Nga, Huỳnh Mỹ Tiên. Các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên khối kinh tế Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. *Tạp chí Giáo dục*. 2020;472: 22–28.
- [14] Nguyễn Bá Châu. Nghiên cứu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức. *Tạp chí Giáo dục*. 2018; số đặc biệt 6/2018: 47–150.
- [15] Đỗ Hữu Tài, Lâm Thành Hiền, Nguyễn Thanh Lâm. Các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên – ví dụ thực tiễn tại Trường Đại học Lạc Hồng. *Tạp chí Khoa học Lạc Hồng*. 2016;5: 1–6.

- [16] Hoàng Thị Mỹ Nga, Nguyễn Tuấn Kiệt. Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 2016;46: 107–115.
- [17] Adhy Firdaus. Factors affecting Students Motivation to Learn in School: A Qualitative Study of School Management. *International Journal of Scientific & Engineering Research*. 2019;10(12): 206–211.
- [18] Muhammad Imdad Ullah, Aamir Sagheer, Tehmina Satta and Shahbaz Khan. Factors Influencing Students Motivation to Learn in Bahauddin Zakariya University, Multan (Pakistan). *International Journal of Human Resource Studies*. 2013;3(2): 90–108.
- [19] Sadri Alija and Fitim Deari. Factors affecting Students' Motivation: A Case Study from South East European University. 27th *IBIMA Conference*. 2016.
- [20] Trần Thị Thu Trang. Động cơ học tập và các yếu tố ảnh hưởng đến việc học ngoại ngữ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 2010;36: 107–115.
- [21] Nguyễn Thùy Dung, Phan Thị Thục Anh. Những nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên: Nghiên cứu tại một trường ở đại học Hà Nội. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*. 2012: 24–30.
- [22] Williams, K. C, Williams, C. C. Five key ingredients for improving student motivation. *Research in Higher Education Journal*. 2011;12: 1–23.
- [23] Mendes, E. What empathy can do. *Educational Leadership: Journal of the Department of Supervision and Curriculum Development*. 2003;61(1): 56–59.
- [24] Bolkan S, Goodboy A. K. Transformational leadership in the classroom: The development and validation of the student intellectual stimulation scale. *Communication Reports*. 2010;23(2): 91–105.
- [25] Fan X, Chen M. Parental involvement and students' academic achievement: A meta-analysis. *Educational Psychology Review*. 2001;13: 1–22.
- [26] Marks H. M. Student Engagement in instructional activity: Patterns in the elementary, middle and high school years. *American Educational Research Journal*. 2000;37(1): 153–184.
- [27] Nguyễn Trọng Nhân, Trương Thị Kim Thúy. Những nhân tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên ngành Việt Nam học, Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 2014;33: 106–113.
- [28] Tabachnick B.G and Fidell L.S. *Using Multivariate Statistics* (5th ed). Publisher: Pearson Education, Inc. 2007.
- [29] Hair J. F., Anderson R.E, Tatham R.L, Black W.C. *Multivariate Data Analysis* (5th ed). Upper Saddle River, New Jersey, USA: Prentice - Hall International. 1998.
- [30] Nunnally J. C, Bernstein I. H. *Psychometric theory* (3rd ed.). New York: McGraw-Hill. 1994.
- [31] Rogerson P. A. *Statistical methods for geography*. London: Sage. 2001.
- [32] Yahua Qiao. *Interstate Fiscal Disparities in America* (2th ed.). New York and London: Routledge. 2011.

